

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HS-PT

Ngày: 17-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Thẩm phán:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Lê Minh Đạt

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2020/TLPT-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo T.H.P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2020/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* **T.H.P** (L), sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xxxA, ấp P, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.H.P và bà N.T.L; vợ: T.K.N; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông L.T.D là Luật sư - Văn phòng luật sư V.T.T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo T.H.P và N.V.H là anh em cô cậu ruột, giữa hai người có mâu thuẫn trước đó khoảng 01 năm, đã từng cãi nhau do bị cáo cho rằng N.V.H đã nói với vợ

của bị cáo rằng bị cáo có quan hệ tình cảm với người khác, làm vợ chồng bị cáo bất hòa. Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/01/2020, khi bị cáo đang đứng trước cổng nhà của anh T.T.T ở số xxxAx, Khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thì gặp N.V.H đi cùng H.N.T và N.V.T đến nhà anh T chơi. Tại đây, N.V.H và bị cáo T.H.P có lời qua tiếng lại, thách thức lẫn nhau nhưng sau đó N.V.H bỏ đi ra sau vườn nhà anh T chơi. Khoảng 45 phút sau, N.V.H ra về thì gặp lại bị cáo T.H.P và hai bên tiếp tục cự cãi. Trong lúc cự cãi, bị cáo T.H.P chạy đến bàn đá, lấy con dao Thái Lan của anh T dài khoảng 20cm, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn đang để trên bàn đâm vào người của N.V.H, N.V.H quay người lại né tránh nên bị lưỡi dao đâm trúng vào mông phải gây thương tích nặng; bị cáo T.H.P tiếp tục đâm một nhát nữa nhưng N.V.H đỡ được. Sau đó, anh T, T và T can ngăn rồi đưa anh N.V.H đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu cấp cứu, điều trị thương tích. Riêng bị cáo T.H.P tẩu thoát khỏi hiện trường, trên đường tẩu thoát bị cáo đã vứt bỏ con dao Thái Lan vào khu vực bãi rác xã P nên không thu hồi được.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 67/320/TgT ngày 31/03/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận đối với N.V.H:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương mông phải, kích thước 03cm x 03cm. Khám trực tràng có máu dính găng. Phẫu thuật: nội soi ổ bụng thấy: tẩm nhuộm đỏ vùng Douglas, mặt sau đại tràng Sigma phụ nề, rịn máu. Khám lại trực tràng thấy ra nhiều máu. Chẩn đoán: vết thương mông phải thủng trực tràng. Phẫu thuật: đưa đại tràng Sigma ra làm hậu môn nhân tạo tại hố chậu trái, khâu lại vết thương. Hiện: Vết thương mông phải đã lành, sẹo kích thước 05cm x 0,3cm. Đóng lại hậu môn nhân tạo đã lành, sẹo kích thước 06cm x 0,2cm. Đi lại sinh hoạt bình thường. Tiêu, tiểu bình thường.

Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là: 42% (Bốn mươi hai phần trăm).

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2020/HS-ST ngày 08-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo T.H.P phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T.H.P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí và

quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 18-9-2020 bị cáo T.H.P có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn diện, khách quan và đầy đủ các tình tiết của vụ án, xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.H.P phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp giấy ra viện của vợ bị cáo và Quyết định cho quân nhân xuất ngũ của bị cáo, các tình tiết này đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T.H.P 03 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo tranh luận: hoàn cảnh bị cáo khó khăn, vợ bị bệnh, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là chưa toàn diện, vì bị hại có lỗi đã có những lời nói gây mất hạnh phúc gia đình bị cáo, trước đó bị cáo cũng không có ý định gây thương tích cho bị hại, bị cáo cũng không có ý định tấn công vào vùng hiểm yếu trên cơ thể bị hại vì bị cáo chỉ muốn cảnh cáo bị hại, bị có có thời gian 02 năm 11 tháng tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự, trong thời gian xuất ngũ bị cáo vẫn làm ăn lương thiện, hiện vợ bị cáo bị bệnh phải điều trị, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Từ những nội dung trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm c, s khoản 1, khoản

2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/01/2020, tại khu vực cổng rào nhà Số xxxAx, Khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, do có mâu thuẫn từ trước, bị cáo T.H.P đã có hành vi dùng dao thái lan dài khoảng 20cm, có lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn là hung khí nguy hiểm đâm N.V.H gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 42%. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.H.P phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường xong thiệt hại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn yêu cầu không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, xuất phát từ mâu thuẫn trước đó mà bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm bị hại gây tử lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 42%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại rất nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp giấy ra viện thể hiện vợ bị cáo bị bệnh xuất huyết nội sọ, trào ngược dạ dày - thực quản, tăng huyết áp vô căn, viêm pN.V.Hi và Quyết định cho quân nhân xuất ngũ của bị cáo để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tuy nhiên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và không cho bị cáo hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp “*Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*”. Xét thấy vào ngày 28/01/2020, giữa bị cáo với bị hại tình cờ gặp nhau, rồi xảy ra cự cãi thách thức lẫn nhau, sau đó bị cáo chủ động lấy dao đâm bị hại trước, bị hại hoàn toàn không có hành vi tấn công bị cáo trước, vì vậy đề nghị này của người bào chữa là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng

hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 69/2020/HS-ST ngày 08-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T.H.P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo T.H.P phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã H, huyện Châu Thành (1b);
- Bị cáo + người bào chữa (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tôn Văn Thông**